

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán/quyết toán ngân sách năm 2020
của Văn phòng Sở Y tế Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Căn cứ Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán/quyết toán ngân sách năm 2020 của cơ quan Văn phòng Sở Y tế (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Kế toán Văn phòng và các cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Sở tài chính QN
- Đơn vị dự toán cấp trên.
- Như Điều 3 (t/hiện)
- Trang web Sở Y tế.
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiến Hưng

Đơn vị: Văn phòng Sở Y tế Quảng Ninh
Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 533/QĐ-SYT ngày 31/3/2021 (QĐ công khai DT/QT ngân sách)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	864
1	Số thu phí, lệ phí (thảm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế)	864
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	655
2.1	Chi quản lý hành chính	655
a	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	393
b	Kinh phí trích để lại nguồn cải cách tiền lương	262
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	209
3.1	Phí thảm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	209
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.370,38
1	Chi quản lý hành chính	9.949
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Thực hiện tiết kiệm 10% theo quyết định 1875/QĐ-UBND)	8.329
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Thực hiện tiết kiệm 10% theo quyết định 1875/QĐ-UBND)	1.620
2	Nghiên cứu khoa học	0
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	259,38
3.1	Kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 (Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình) năm 2020	259,38
4	Chi bảo đảm xã hội	162
4.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Kinh phí tặng quà Tết Thầy thuốc ưu tú, thầy thuốc nhân dân)	162
5	Chi Chương trình mục tiêu	

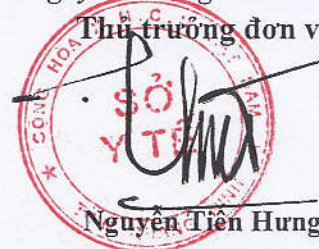
Kế toán



Bùi Đình Sơn

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Tiến Hưng

Đơn vị: Văn phòng Sở Y tế Quảng Ninh
Chương: 423

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2020**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện NĂM 2020	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	864	1.082,6		
1	Số thu phí, lệ phí (thảm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế)	864	1.082,6	125%	92%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	655	741,1	113%	86%
2.1	Chi quản lý hành chính	655	741,1		
a	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	393	308,1		
b	Kinh phí trích để lại nguồn cải cách tiền lương	262	433,0		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	209	257,9	123%	81,4%
3.1	Phí thảm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	209	257,9		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.370,38	9.610,8	93%	103%
1	Chi quản lý hành chính	9.949	9.189,4	62%	102%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.329	8.329	100%	100%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.620	860,4	53%	132%
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	259,38	259,38	100%	
3.1	Kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 (Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình) năm 2020	259,38	259,38	100%	
4	Chi bảo đảm xã hội	162	162	100%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Kinh phí tặng quà Tết Thầy thuốc ưu tú, thầy thuốc nhân dân)	162	162	100%	
5	Chi Chương trình mục tiêu				

Kê toán



Bùi Đình Sơn

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thiên Hưng

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
Năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 530/QĐ-SYT ngày 31/3/2021)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	1.083	1.083			
A	Tổng số thu	1.083	1.083			
1	Số thu phí, lệ phí	1.083	1.083			
1.1	Phí thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	1.083	1.083			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	308,1	308,1	308,1	0	0
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	308,1	308,1	308,1		
1.1	Chi quản lý hành chính	308,1	308,1	308,1		
a	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	308,1	308,1			
C	Số thu nộp NSNN	257,9	257,9			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	257,9	257,9			
1.1	Phí thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	257,9	257,9			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	9.610,8	9.610,8	8.316,2	126,6	1.168
1	Chi quản lý hành chính	9.189,4	9.189,4	7.894,8	126,6	1.168
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.329,0	8.329,0	7.034,4	126,6	1.168
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	860,4	860,4	860,4		
2	Nghiên cứu khoa học					
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	259,38	259,38	259,38		
3.1	Kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 (Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình) năm 2020	259,38	259,38	259,38		
4	Chi bảo đảm xã hội	162	162	162		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Kinh phí tặng quà Tết Thầy thuộc ưu tú, thầy thuốc nhân dân)	162	162	162		
5	Chi Chương trình mục tiêu					

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Kế toán



Bùi Đình Sơn

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Tiên Hưng